

Ông Cậu Xĩa
Nguyễn Quốc Bảo

*Phiến phiến bạch vân thanh sơn nội
Phiến phiến bạch vân thanh sơn ngoại
Thanh sơn nội ngoại giai bạch vân
Bạch vân phi khứ thanh sơn tại*
(Cổ thi)

片片白雲青山內
片片白雲青山外
青山內外皆白雲
白雲飞去青山在

Diễn Nôm
Mây trắng phát phơ trong núi xanh
Mây trắng phát phơ ngoài núi xanh
Trong ngoài núi xanh mây trắng cả
Mây trắng bay rồi còn núi xanh

Diễn Âm Pinyin
*piàn piàn bái yún qīng shān nèi
piàn piàn bái yún qīng shān wài
qīng shān nèi wài jiē bái yún
bái yún fēi qù qīng shān zài*

Trong gia đình tôi có khi nghe nói: “*Thằng này có máu Ông Xĩa...*”, ý nói là có chút khiêu văn chương giống Ông TchyA, chữ TchyA đọc trái ra thành Xĩa. May là thuở đó, nước Việt Nam ta chưa biết đến vấn đề tình báo Xĩa CIA của Huê kỳ, chớ không, phản gián đi tìm Xĩa lại dzô nhà phá phách thì biết bao nhiêu phiền nhiễu! Thật tình tên hiệu ni cũng khó mà đọc ra cho có vẻ Việt Nam, T’chi a, nhưng đọc thét rồi hóa quen, nhưng khi đọc chữ Xĩa, *xin đừng có thành kiến!* Tôi thì chắc không có máu Xĩa nhiều, họa chăng có máu Xạo, nhơn nhơ ngày tháng rong chơi, thấy chỗ đông người, họp năm tụ bảy, thì lại nhào tới, xin múa lười, ăn tục nói phét! Đến như muốn viết vài hàng về ông Cậu Xĩa, mà lòng chim dạ cá đâu để cho yên, cũng phải chích chòe nói tới nói lui những chuyện không đâu, thì đã thành thói quen, lại xin lỗi chư vị anh hùng hào hớn...

Phần Một

Ông tên Đái Đức Tuấn, bút danh TchyA, hiệu Mai Nguyệt, sinh năm 1908, từ trần ngày 8 tháng 8 năm 1968 (ngày Rằm tháng bảy năm Mậu thân), quê quán gốc làng Ngọc Diêm, còn gọi là làng Si thuộc Ngọc Giáp xưa, nay thuộc xã Quảng Chính, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Bà Tuấn nữ danh là Trần Thị Thư, sanh năm Nhâm Tý, mất ngày 19 tháng 3 năm Quý Hợi, hưởng thọ 72 tuổi. Hương linh hai Ông Bà Tuấn hiện quan tại chùa; tuy nhiên trong gia đình có dự định đưa tro phần hai Cụ về yên nghỉ ở quê nhà với phụ thân. Họ Đái gốc



Ba chệt, không biết từ Tàu qua Việt Nam sinh sống lập nghiệp từ thời nào, họ Đái chữ Hán viết 戴 (1). Cách đây ít năm tôi về Quảng Xương tảo mộ với hai ông anh họ, trời xui đất khiến, kiếm ra được một tấm bia đá khá xưa, bị nông dân làng Ghép cày ruộng chôn lên đào xuống, bỏ hoang, có khắc mấy dòng, mà nội nhân kẻ hèn nhận ra được là 戴族諸先之墓, tức *Đái Tộc Chư Tiên Chi Mộ*; tấm bia khẳng định, ở làng Sĩ ngày xưa, chắc còn nhiều mộ phần của dòng dõi họ Đái mà chiến tranh và thời gian đã hoàn toàn phá hủy. Ông TchyA sinh trưởng trong một gia đình Nho giáo nhiều đời làm quan. Thân sinh là Cụ Đái Xuân Quảng, Cử nhân Hán học, tri huyện Thạch

Thành, lúc còn đi học, văn hay chữ giỏi, nên được cụ Đỗ Các (2), Án sát tỉnh Thanh, gọi vào nuôi trong nhà và gả cho trưởng nữ Đỗ Thị Hiền. Hai cụ sinh được 6 gái 1 trai, cụ Ngoại hay chữ nên đặt cho các tiểu thư nhiều tên rất khả ái: Đái Thị Ngọc Chát, Đái Thị Kim Chử, Đái Đức Tuấn, Đái Thị Tiếp Phúc, Đái Thị Phú Đức, Đái Thị Nguyệt Hằng và Đái Thị Thường Nga. Trưởng nữ Ngọc Chát là thân mẫu chị *Lê Đỗ Thị Ninh*, người vợ trẻ bé nhỏ và bạc mệnh của thi sĩ *Nguyễn Hữu Loan* trong bài thơ bất hủ *Màu Tím Hoa Sim*. Trong gia đình thưở đó Ông Bà Ngoại có hai người con hay chữ, mẹ tôi với tên tiên định *Kim Chử*, một trong những phụ nữ Việt Nam đầu tiên đậu bằng *Thành Chung* (1925) và ông cậu TchyA đỗ tú tài Pháp lúc còn trẻ tuổi (1929), rồi thi đỗ tham tá nhà Học Chính Bắc kỳ, nên trong nhà gọi là Cậu Tham Tuấn. Hai dì Tiếp Phúc và Phú Đức theo đạo Công giáo và đi tu làm sơ dòng Thánh Phao Lô *Saint Paul de Chartres*. Dì Phú Đức tên sơ là *Marie-Jeanne*, làm thầy giáo và hiệu trưởng trường *Jeanne d'Arc* Huế và Đà Nẵng nhiều năm, giáo dục và đào tạo nhiều thế hệ Nữ sinh miền Trung.



Ảnh Tro phần Ông Bà Đái Đức Tuấn

Ông TchyA, thông minh, có trí nhớ đặc biệt, ngoài vốn Tây học uyên thâm còn rất giỏi Hán học, do phụ thân truyền dạy và cũng tự học thêm rất nhiều (Ông

ngoại tôi mất khi Ông TchyA mới 15 tuổi); ông viết Hán tự *chữ thảo* rất đẹp, rông bay phượng múa, viết câu đối cũng rất tài hoa lổ lạc. Ông đậu Tú tài bản xứ năm 1929 (năm 1928 thi rớt, nên có làm bài thơ *Hồng Thi*), bổ làm việc tại Nha Học chính Đông Dương năm 1930. Lúc làm Tham biện ở Tổng nha Học chính Đông Dương, là lúc TchyA bắt đầu sự nghiệp văn chương, ông viết cho nhiều báo ở Hà Thành, Ngọ Báo, Đông Tây, Nhật Tân,... và đăng các truyện ngắn và thơ phú trên Phổ thông bán nguyệt san, Tiểu thuyết thứ Năm, và cũng vì giao thiệp ăn chơi rộng rãi, TchyA bắt đầu quen lối “*sách đèn, đao kiếm*”, trở thành tình nhân trung thành của Á Phù Dung nơi chôn Bình Khang, mà Ông khó dứt được cho đến lúc tuổi đã thâm niên. TchyA nghiện thuốc phiện lúc còn ở trường Cao đẳng Hà Nội, còn trẻ mới 23 tuổi, mỗi ngày hút cả chục điếu, tiếp bạn thì có thể hút đến 30 chục điếu trong một buổi. Ông bỏ thuốc phiện được 10 năm (1943-1953), rồi lại nghiện lại.

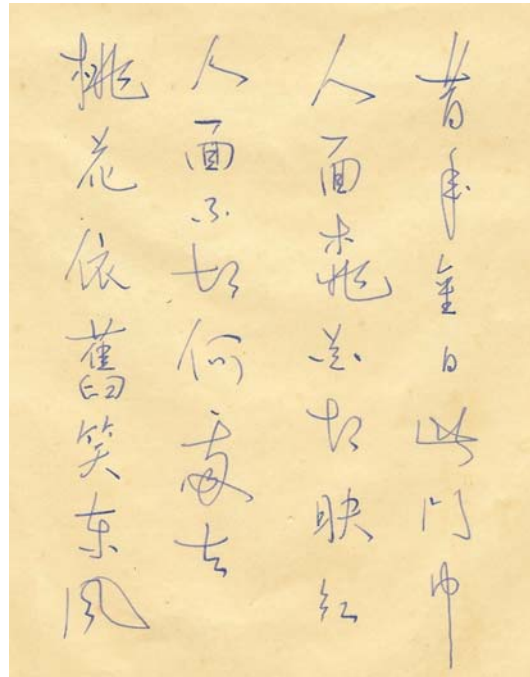
Tôi có giữ bài Đường thi “Đào Hoa” (Đề tích sở kiến xứ), *viết chữ thảo* của Cậu Xĩa (3), chữ viết rất phóng túng mà hoa lệ, trông như một bức tranh, hùng khí uất ức phát ra nét bút, nhưng nhìn kỹ, thấy như ngâm ngùi, luyện tiếc, ôm cả một bầu trời để mà thương tiếc. Bài Đào Hoa của Thôi Hiệu崔颢 ít khi thấy nói đến, vì tác giả được biết nhiều hơn với các bài *Hoàng Hạc Lâu* hay *Trường Can Hành*:

*Tích niên kim nhật thử môn trung
Nhân diện đào hoa tương ánh hồng
Nhân diện bất tri hà xứ khứ
Đào hoa y cựu tiếu đông phong*

Diễn Nôm TchyA

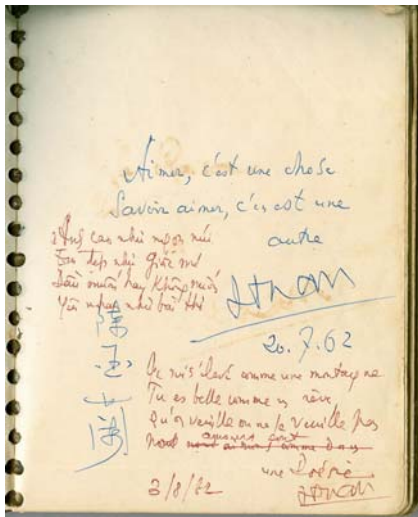
*Năm xưa dưới cửa thẹn thùng
Hoa người đối diện vẻ hồng đưa tươi
Người đi chẳng biết đâu rồi
Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông*

昔年今日此門中
人面桃花相映紅
人面不知何處去
桃花依舊笑東風



Khi thế chiến thứ hai bùng nổ, quân Nhật Phù Tang sang chiếm Đông Dương, TchyA chán ghét thực dân Pháp, quân phiệt Nhật, ông xin nghỉ việc ở nha Học chính Bắc Kỳ, cùng vợ và đứa con nuôi độc nhất Đái Thị Quế, trở về quê Thanh Hoá, đến phủ Quảng Xương, ở ẩn trong một động khoét ra từ một cái hang của ngọn *núi cô*, ở làng Bô cũng thuộc về Ngọc Giáp (nay thuộc xã Quảng Thạch). Ông Mai Ngọc Thanh, quê quán một trong bốn làng của Ngọc Giáp, xã Quảng Chính, đầu năm 1944, được phụ thân dẫn đi, cùng dân làng đến xem Am Mai Nguyệt của TchyA, ghi lại kỷ niệm sau đây:

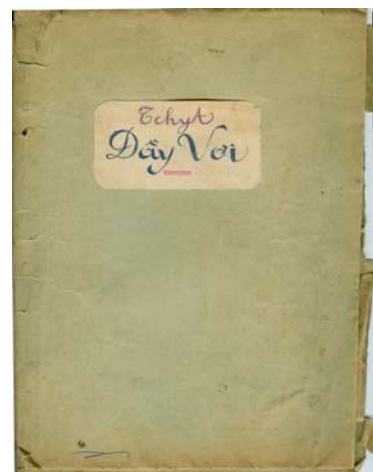
Động núi Bô, hay gọi như người dân Ngọc Giáp ngày ấy là Động ông Tham Tuấn, rộng chừng hơn 30 mét vuông, giữa một vùng non nước đẹp như tranh. Động cách ngôi chùa Đông không bao xa. Có thể nói chắc rằng, cả huyện



Quảng Xương ngày ấy không có một chùa thứ hai có cảnh quan như thế. Chùa tựa lưng vào dãy núi Lau chạy dài từ quốc lộ 1A ra tận biển, quay mặt về phía nam, chỗ dòng sông Yên (còn gọi là Sông Ghép) uốn một vòng cung để rồi ngoặt trở lại mà đổ nước ra lạch Mom. Tam quan chùa rất đẹp, trên gác tam quan treo một quả chuông đúc khá lớn. Chung quanh chùa cây cối xanh tốt um tùm như rừng và có nhiều loại hoa, nhiều nhất là hoa mẫu đơn, hoa dẻ. Sân chùa cao vút những đũa, những đẽ và ngọc lan. Bên phía đông chùa là một con suối quanh năm róc rách chảy qua những khối đá gập ghềnh rồi đổ xuống sông Yên... Cảnh

của tự nhiên nhưng được con mắt của thi nhân chọn lựa.

Dân làng chẳng rõ vì sao ông Đái Đức Tuấn bỏ chức Tham biện trở về quê khoét núi, rồi chiêu tập vài mươi trai đình tập côn quyền do chính ông hướng dẫn, nói là để chuẩn bị đánh đuổi ngoại xâm (?). Tôi còn nhớ rất rõ cảnh tượng trong động của ông Tham Tuấn. Ánh đèn măng-sông sáng trưng. Chính giữa đặt một bộ bàn ghế gụ khám trai kiểu tàu, bốn cái đôn đặt xen kẽ với ghế. Trên vách hậu của động, chỗ cao nhất gắn xác một con đại bàng, sát ngay bên dưới là ảnh quan công cõi ngựa. Hai bên treo nào là thương, đao, kích, chùy... Và động chủ thì y phục như là tráng sĩ, hiệp khách với một chiếc kiếm dài đeo lưng lẳng bên mình khi ra đón khách. Không hiểu người lớn bước vào đây thì cảm giác ra sao, chứ trẻ con như tôi thì khiếp hãi lắm...



Ông Thanh lúc đi thăm Động Ông Tham chắc còn là một đứa trẻ, thể mà sáu bảy chục năm về sau, ký ức còn ghi lại một hình ảnh rất rõ ràng, sâu đậm. Tôi có một Ông bạn niên trưởng (4), cũng như tôi là Cựu học sinh trường Thiên Hựu Huế, vào khoảng những năm đó, đã có dịp diện kiến Ông TchyA, lúc bấy giờ ở tỉnh Thanh, mặc áo trường bào như Đạo sĩ, để râu dài thòng. Lúc bé trong gia đình, tôi nghe bàn tán là Cậu Tham đi tu tiên! Và nghe nói lại, thuở ấy Ông TchyA diễn đàn thuyết pháp Triết lý Đông Tây, giảng Kinh dịch, quyền tiên phát chẩn. Có một lần đạo sĩ xuống núi đến thăm phụ thân tôi Cụ Nguyễn Mậu, bấy giờ làm An Sát tỉnh Thanh Hóa và tặng một bài thơ (5). Lúc Cậu Xịa tu tiên ở động trên núi thì vợ ở dưới làng phải vác vò gánh gồng thực-phẩm, rượu thịt lên trên núi cho Cậu.

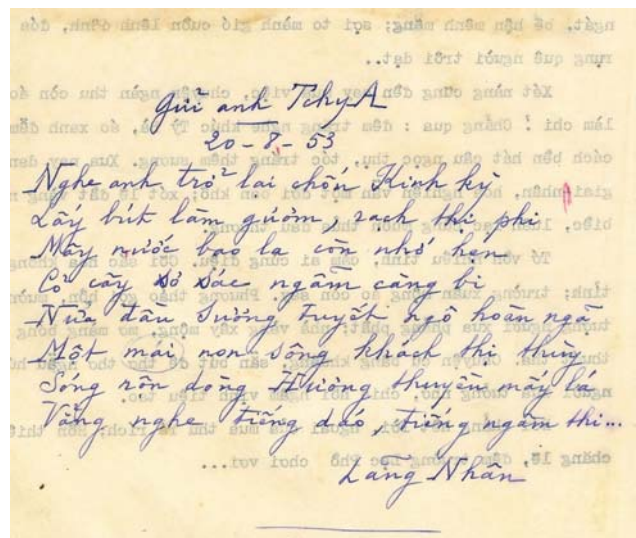
Bà Tuấn, tức Mợ Tham của tôi, là phụ nữ đầu tiên cho tôi, lúc mới bốn tuổi, một khái niệm về sắc đẹp và nữ tính (*féminité*). Quả vậy, lúc còn bé, tôi được gửi sang ở với Bà Ngoại, nhà rất gần và cùng phố, và có thời cậu Xịa ở Hà Nội, nên Mợ Tham về nhà hầu mẹ chồng và tôi được kề cận Mợ. Mợ Tham tướng cao, da trắng như trứng gà bóc, mũi cao, mắt bồ câu, tóc dài quá lưng, dáng đi đứng uyển chuyển nhẹ nhàng, giọng nói trong trẻo. Ông Mai Ngọc Thanh có ghi: *ông (tức Cậu Xịa) có người vợ rất đẹp vào loại hoa khôi của thành phố Thanh Hóa thời ấy, con nhà danh gia vọng tộc. Năm 1944, tôi đã thấy bà ở Động núi Bò, tuy không còn thời thiếu nữ, nhưng vẫn đẹp như người trong tranh.* Đây là lời phẩm bình khách quan, của một người gặp Mợ Tham có một lần mà mấy chục năm sau vẫn còn nhớ *Mợ đẹp như người trong tranh*. Tôi thuở thơ ấu, chỉ biết Mợ là một người đàn bà đẹp, và kỷ niệm xưa thì không quên đáng đáp Mợ một chiều mùa hè, mặc áo vải *phin* trắng, sau khi gội đầu với bồ kết, ngồi hóng gió hơ cho tóc khô gần cửa sau đi ra vườn, mùi bồ kết thơm thoang thoang và ánh sáng buổi chiều chập chờn trên khuôn mặt khả ái ... Thế nhưng Cậu Xịa tuy Tây học, mà lại *Chồng chúa vợ tôi*, nhiều khi đối xử với Mợ có lúc làm các cháu bỡ ngỡ, tuy Mợ một lòng thờ chồng; trong khi cậu Xịa lại không trọn phận sự một gã con trai độc nhất hiếu thảo với tổ tiên và một người chồng thương vợ, cho Cụ Ngoại một con trai nối dõi và cho Mợ Tham một thừa tự. Trong bài thơ Trăm năm, tặng vợ hiền, cậu Xịa viết: *Tóc xanh cần cõi tình lang chạ / Duyên sớm âm thầm cảnh hiem hoi.* Nhưng tự chữa lỗi cho mình:

*Can tràng thôi hiển nghề nghiên bút
Tâm huyết đem thờ chữ Quốc gia
Tử tức vì không truyền hậu thế
Thì đây, thì tập, đưa con ta...*

Tiếp đây, Nhật đảo chính Pháp, phong trào Việt Minh nổi dậy đùng đùng, cả tỉnh Thanh rộn ràng chuẩn bị dân quân tự vệ, lòng ái quốc nhiệt thành được

khai thác triệt để, và song song các phong trào Quốc gia cũng nổi dậy không kém phần náo nhiệt! Tôi có kỷ niệm hơi mơ hồ, có lần nhìn thấy Cậu Tham mặc quân phục màu cứt ngựa, đi dày ủng (bốt), đeo kiếm dài và súng lục, đầu đội cát két, trên miệng có râu cá chép, trông oai phong lắm liệt lắm. Lúc ấy cậu Tham đã tham gia phong trào Quốc Dân Đảng, có chiến khu ở Di Linh, cách Thanh Hóa vài chục cây số, có lẽ là do móc nối với phe Nhất Linh Nguyễn Tường Tam, hoạt động mạnh mẽ trong hàng ngũ Việt Nam Quốc Dân Đảng ở Côn Minh vào những năm 1942-1944, và cơ quan ngôn luận VNQDD ở Hà Nội với báo Ngày Nay (1945) gồm những nhà văn kỳ cựu Khải Hưng, Hoàng Đạo, Nguyễn Tường Bách... Sau việc hợp tác thất bại của Nguyễn Tường Tam, bộ trưởng ngoại giao, với chính phủ liên hiệp kháng chiến (tháng 6, 1946), ông TchyA và nhóm VN Quốc Dân Đảng đều sang sống lưu vong ở Côn Minh bên Tàu. TchyA là một tài tử phong lưu, *nòi tình*, đầu Xuân Kỷ Sửu 1949, lúc còn ở Côn Minh, cảm tác 1 bài thơ, *Oanh Vàng*, gửi về nước cho cô đào danh tiếng Đàm Mộng Hoàn ngâm trên đài phát thanh Hà Nội (6).

Năm 1950, TchyA trở về nước, làm chủ nhiệm kiêm chủ bút tờ báo Công Tội ở Hà Nội. Năm 1951, ông được Thủ Hiến Phan Văn Giáo mời vào cộng tác ở Huế, và vào dịp này, ông trở thành giáo sư Việt Văn và Pháp Văn ban Tú tài ở trường Trung Học Khải Định. Bọn *ngủ đò* trên sông Hương hồi đó có Đàm Quang Thiện, không biết có phải vào dịp này, TchyA và Đàm Quang Thiện cộng tác để diễn Nôm bài Tựa Kiều của Chu Mạnh Trinh chẳng (7). Và *ngủ đò* lúc đó, có lẽ có cả cụ Lãng Nhân Phùng Tất Đắc, vì tôi có giữ được một lai cáo ghi bài “*Gửi Anh TchyA*”, của Lãng Nhân viết ngày 20-8-1953. Phạm Duy trong Hồi ký Tập 3 Chương 4 cũng viết: *Tôi ít khi gặp một phụ nữ Huế béo tốt, ngoại trừ Mụ Tôn là chủ nhân của một con đò sông Hương để tôi xuống nằm chơi với Vĩnh Phan, Võ Đức Duy, TchyA (Đái Đức Tuấn, nhà thơ đàn anh chúng tôi gọi là "Tỷ Chià") và vài nhạc sĩ cổ truyền của xứ Huế, khi hút thuốc phiện, khi nghe ca kỹ sông Hương hò và hát...*



Thời Bảo Đại, Phan Văn Giáo được phong Trung Tướng Việt Binh Đoàn (do Tướng Nguyễn Ngọc Lễ làm xếp), nên gấn lon Đại Úy cho TchyA, thành thử cuối năm 1954, ông gia nhập Quân đội chính thức, sáng lập ngành Tác động Tinh thần, sau đổi là Chiến tranh Tâm lí, và giải ngũ năm 1956. Năm 1957,

Tchya đại diện chính thức Việt Nam dự Hội nghị Văn Bút Quốc tế Đông Kinh, và đọc diễn văn bế mạc Hội nghị ở Kyoto. Hai năm sau 1959, ông và thi sĩ Vũ Hoàng Chương, được cử sang dự Hội nghị Thi Văn Quốc tế ở Bỉ (Belgique). Tại đây, cũng vì là *nòi tình*, ông lại nối một mối duyên văn chương trong nhiều năm với một phụ nữ Bỉ. Ngày 8 tháng 8 năm 1968, lúc 4:30 giờ sáng ông qua đời tại bệnh viện *Saint Paul* Sài Gòn sau một cơn bạo bệnh (8).

Cậu Xịa là một trong những người đầu tiên dẫn đầu tác phong sống vội vã (*fureur de vivre*) của thế hệ trẻ miền Bắc trong những năm thực dân Pháp đô hộ Việt Nam. Cụ Vương Hồng Sển, trong hồi ký tuyển tập và *Hơn nửa đời hư*, đã kí tải rõ ràng trạng thái này ở Nam Bộ. Cuộc sống ồn ào, vô trách nhiệm, vô ngày mai, kiểu *James Dean* hay *Francoise Sagan*, có lẽ đó cũng là bệnh đau của thế kỷ (!) (*le mal du siècle*), đến nước ta khi thế hệ trẻ mất căn cước của mình (*perte d'Identité*)... Tchya chia ra, trong thi tập *Đầy Voi*, 5 giai đoạn, thời *Mơ mộng*, *Lãng mạn*, *Phóng đảng*, *Ẩn dật* và *Phiêu lưu*. Khi *sống hư*, rồi bổng thức tỉnh, giận đời giận mình, và vì tự trọng, tìm cách tu tiên, trốn ra khỏi cuồng phong của Sa đọa. Nhiều người không hiểu những thay đổi bất thành linh của cậu Xịa, từ quan năm 30 tuổi đi ẩn dật, làm đạo sĩ về tu nơi hang động, thuyết giáo, quyên tiền phát chẩn, cho đó là tác phong bất bình thường hoặc kỳ quặc... Vũ Ngọc Phan viết trong *Nhà văn Việt nam về Tchya*: *Ngay lúc còn là một tham tá trẻ măng (và rất đẹp trai nữa) đã mê Lý Bạch, rất mê bài thơ Tương tiễn tửu và bài thơ Hoàng Hạc Lâu. Thấm nhuần tính phóng túng của Lý Bạch nên cũng có cái quá độ làm cho nhiều người bức tức. Thật là một lời phê bình nông nổi, không nghiêm chỉnh, thiếu suy nghĩ, không sòng phẳng và có ý ghen tuông! (Đã nói phét thì nói cho sừng miệng). Tất nhiên nhân vật, đại tài tử tài hoa, phong lưu và nòi tình, khi chuyển hướng cho cuộc đời, đi tìm Ẩn dật rồi Xả thân cứu quốc (VNQDD), rồi lại tại ngoại lưu vong, đều có những khía cạnh một phần phường tuồng (*côté théâtral*), tỷ như y phục đạo sĩ, quân phục kiểu Tướng Giới Thạch...*

Cách sử sự xông tâng lung tung xà ngẫu của cậu Xịa thời VNQDD ở Thanh làm đại gia đình tôi điên đầu. Ngay sau ngày Nhật đảo chính, Bảo Đại tuyên bố độc lập hôm 10/03/1945, Cụ Nguyễn Mậu, anh rể Ông Tchya và là phụ thân tôi, thấy thế sự đảo điên, và nghe lời Cụ Khổng dạy *Khả chỉ tắc chỉ 可止則止*, nghĩa *lúc nên thôi, thời thôi ngay*, đệ đơn từ quan xin về làm án sát trí sĩ, đồng thời cũng từ chối đề nghị làm Tổng đốc Thanh Hóa theo đề nghị của chính phủ Trần Trọng Kim. Cụ cùng các bạn muốn lập dân đàn để ủng hộ kiến thiết độc lập, rồi sau khi hội kiến Thượng thư An Bộ Đội Nhật ở Hà Nội, cụ khởi xướng *Đoàn Liên Minh Kiến Thiết Độc Lập*. Nhưng lúc ấy, các đảng phái, các phe Nhật, Pháp nghi kị lẫn nhau, khó mà đoàn kết, vả chăng không có phương tiện và thời gian để thực hiện mục đích, dân ta chết đói nằm đầy đường, thật là *Tàu*

cười, Tây khóc, Nhật lo / Việt Nam độc lập nằm co chết đường, (Cũng nghe: Tàu cười, Tây khóc, Nhật no / Việt Nam hết gạo chết co đầy đường) nên các cụ cũng chỉ làm việc từ thiện giúp đỡ dân nghèo mà thôi. Tuy nhiên phần Nhật nghi cụ *Liên Việt Minh*, hoặc chờ ông Ngô Đình Diệm ra lập chính phủ để ủng hộ, phần VNQDD thì ông cậu Xĩa đi lòng bắt cụ, đến nổi cụ phải trốn vào nhà xí sau vườn, họ muốn áp dẫn cụ lộ diện công khai ngoài phố để phô trương thanh thế, phần Việt Minh nghi cụ theo Nhật theo Tây và hai ông Nguyễn Hữu Loan và Nguyễn Sơn muốn giành giật cụ theo phía họ. Nhà bác Tham tôi, tức cụ Lê Đỗ Kỳ chồng của cụ bà Đái Thị Ngọc Chất, cũng ăn không xong ngủ không yên với Ông cậu Xĩa, gia đình bác Tham và các con đều có khuynh hướng Việt Minh. Bác Tham Kỳ gái phải qua nhà tôi tránh nạn ông cậu Xĩa ra lệnh bắt bớ...

Tâm sự của TchyA, không biết có phải là chung của thế hệ không, nó đầy những mâu thuẫn và phản biện. Người dân quê thì nô nức hay nói *Lười không xương mười đường lắt léo*. TchyA Đái Đức Tuấn đem tất cả thất bại, thất vọng đổ tội cho ngoại thế, cho Trời, rồi bào chữa trác táng sa đọa của mình với tâm chí yếm thế tiêu cực tôn thờ Á Phù Dung, lấy Nghiên Bút làm giày, Văn chương làm áo. Trong bài thơ kính tặng phụ thân, ông kể lể: *Ai tiêm thất vọng vào tâm huyết / Đến nỗi hồn hoa phải lạnh lùng*, hoặc: *Nhờ sinh chót đã làm cơ hội / Mưa nắng xông pha chốn bụi hồng*. Rồi thì:

*Thương tâm bào rữa mòn thân thế
Ngậm tủi nhai hòn luống uổng công
Mục đích đã không tài tới được
Tâm hồn âu gửi mộng Phù Dung*

*Ví không đủ sức thành công nghiệp
Thì phá cho tan chỉ vẫy vùng
Mượn thú văn chương khuyây thế lụy
Lấy tài nghiên bút đọ đao cung*

Nhưng TchyA không cần dài giòng văn tự, ông sinh ra mang phải kiếp *tài tử* và *nòi tình*, tất cả chỉ vì... *nước chảy mây bay quen mắt nét; hóa cho nên: lá đưa cành đón dễ hư thân* (Lãng Nhân, Tựa Kiều).

Dấu vết những năm phóng đảng không thể gột rửa được, TchyA thức tỉnh, bỏ thuốc phiện được 10 năm, năm 1953 lại rơi vào định mệnh khắc nghiệt, miệt mài ngày tháng với Á Phù Dung. Ngoài thuốc phiện, cậu Xĩa còn nghiện trà, thuốc lá từ năm 22 tuổi (2-3 gói JOB, 555 hay Pall Mall mỗi ngày), rượu nặng,

Martel-Soda, Whisky thường nhật 5-7 ly. Năm 1966 có nhiều khám xét chống thuốc phiện lậu ở Sài Gòn, TchyA dùng thuốc phiện nấu thành cao trộn với cam thảo, sâm nhung. Danh nhân tài tử thì nhiều người nghiện, Tấn Đà Nguyễn Khắc Hiếu nghiện rượu, Khái Hưng nghiện thuốc Lào, Lê Văn Trương nghiện thuốc phiện, ... nhưng cậu Xịa thì nghiện đủ thứ, nên phải trả giá cao, 60 tuổi thọ, đã từ trần vì bệnh Viêm khí quản kinh niên và Suy tâm thất.

Cậu Xịa của tôi lấy bút hiệu TchyA, để rồi sau này độc giả sinh ra nhiều giả thuyết cùng giải mã: *Tôi chẳng yêu ai, Tôi chữa yêu ai, Tôi chả yêu ai, hoặc Tôi chưa hề yêu ai...* Nếu như thế thì phải viết Tchya, chứ không phải TchyA, với chữ A cuối cùng viết hoa. Chuyện xưa là Ông cậu Xịa, lúc là trai tơ hào hoa phong nhã, say mê một mỹ nhân của Hà Thành Hoa Lệ, tên Bích Ngọc, có nét đẹp Tây phương, bấy giờ được tặng tên là Angèle. Tình yêu đầu tiên với người đẹp, đã khiến chàng phong lưu công tử chọn bút hiệu của mình một cách độc đáo *Tuấn* (hay *Tôi*) *chỉ yêu Angèle*, tức TchyA (9). Báo Phổ thông Ông Nguyễn Vỹ có giải thích Angèle là một cô *Đằm lai*. Còn tên Mai Nguyệt đại ý tóm tắt 2 câu: *Mai hoa tái thế / Minh nguyệt tiến thân*.

Gia tài Văn nghiệp của TchyA gồm có nhiều chuyện ngắn và thơ. Tiểu thuyết chuyện ngắn viết trong những năm 1930-1940: Thần trùng, Khúc sáo du dương, Thủ Xú, Thần Hồ, Số Kiếp, Linh hồn hay xác thịt, Oan nghiệt, Thầy Cừ, Kho Vàng Sầm sơn, Ai hát giữa rừng khuya, Tình Sơn nữ, Đồng tiền Vạn lịch, Đường lên núi, Uyển ngoạn (10). TchyA là văn sĩ viết nhiều chuyện ngắn kinh dị truyền kỳ. Cụ Tổ của thứ tiểu thuyết này là Vua lê Thánh Tông, viết 3 truyện truyền kỳ *Duyên lạ nước Hoa, Chuyện chồng dê* và *Một dòng chữ lấy được gái thần*. Văn học dân gian truyền tụng nhiều truyện tác giả vô danh *Hổ bọc, Cọp báo số mệnh cho người* và *Ông sư tiên núi Nưa*. Cùng thời, có Thế Lữ với *Vàng và máu* và *Trại Bồ Tùng Linh*; Thanh Tịnh với *Ngâm ngái tìm trầm*; Nhật Linh với *Bóng người trong sương mù* và *Lan rừng*; Nguyễn Tuân viết *Chùa Đàn, Có Đó và Trên đỉnh non Tản*; Tô Hoài viết *Một đêm gác rừng...*

Thi văn có tập *Đầy Voi*, gom tất cả thi tuyển của TchyA: ngoài thơ Quốc ngữ, còn có rất nhiều bài viết bằng Hán văn với *Diễn Nôm*, diễn Nôm nhiều bài Đường thi, trường thiên sáng tác lúc mới 18 tuổi Nguyễn Trãi đáp Phi Khanh (trả lời bài Phi Khanh dặn Nguyễn Trãi của Á Nam Trần Tuấn Khải), thi ca *Vì Tình* (Lịch sử tiểu thuyết Trọng Thủy - My Châu), Trường Tình... TchyA diễn Nôm nhiều tác giả Đường Thi, Lý Bạch, Đỗ Phủ, Tào Đường, Vương Xương Linh, Thôi Hiệu, Trương Tích, Lý Cốc, ... cái duyên của Ông là dùng vốn hán tự sâu sắc, diễn Nôm rất sát nghĩa với nguyên bản, lại đem theo cái rung cảm cá tính của mình vào bản dịch. Vào những năm 1956, Cậu Xịa cộng tác với Báo Tự do ở Sài Gòn, viết những tiểu luận với đề mục *Nói hay Đùng*.

Bài cổ thi trích dẫn ở trên, có câu chót *Bạch vân phi khứ thanh sơn tại*, đưa *duyên nợ* của TchyA vào văn chương, vào đời sống ba chìm bảy nổi, phóng đảng đầy đam mê, nghiện ngập. Ông anh Tuệ tôi, lúc đó còn Sinh viên, gặp cậu Xĩa năm 1959 ở Ba Lê sau khi hội ở Bỉ, đi Đại Lộ ăn chơi (*les Grands Boulevards*) của kinh thành ánh sáng, *đem ngàn vàng đổi lấy nụ cười*, ông anh ni cũng hồi ôi muốn té xiu... làm sao chàng sinh viên bần hàn hiểu được cái bốc đồng trác táng của hai Ông thi sĩ Việt Nam, *quá nửa đời hư*, TchyA và Vũ Hoàng Chương, ở thành phố hoa lệ! Cuối tập Đây Voi, có bài thơ thay lời bạt nhan đề *Vân Hải*, lời lẽ đầy nuôi tiếc, *et si c'est à refaire?...*

*Cố nhân đi hẳn có về
Nước non vẫn nặng lời thề nước non
Tình hoa sóng cạn đá mòn
Lòng hoa say đắm vẫn còn đắm say*

Thế nhưng cái nợ của Cậu Xĩa nặng lắm, thủy chung không thoát được số mệnh của kẻ tài hoa, trong bài tựa Kiều của Chu Mạnh Trinh có một đoạn mà TchyA diễn Nôm thật đầy đủ: *Cho nên bao người cũ say đời tình chung, đem tính danh ghi góc áo xiêm; ngàn thu sau tiếc chuyện phong lưu, viết sử sách vớt hương thừa phần cũ. Than ôi! gió bụi một phen, nổi chìm mấy độ... Ô hô, cái phù du của cuộc đời mình đã biết đó, thế mà cứ hăng say nhảy vào như những con thiêu thân!*

Gavilan Springs
ngày Thanh Minh tháng Ba năm Bính Tuất,
04/05/2006.

Chú thích:

(1) Đái 戴 Bộ 戈 qua , pinyin dài, nghĩa 1 : Đội, phạm để cái gì lên đầu mà đội đều gọi là đái. 2 : Tôn kính, như ái đái 愛戴 yêu chuộng, yêu mà bợ người lên gọi là ái đái (tự điển Thiều Chửu).

(2) Họ Đỗ 杜 (cùng tộc với thi hào Đỗ Phủ 杜甫), là một cự tộc bên Tàu, sử chép thời Cao Biền sang đánh quân Nam Chiếu năm 864, có bộ tướng họ Đỗ đi theo, sau đóng ở An Nam đô hộ phủ, rồi ở lại lập nghiệp tại Việt Nam. Cụ Đỗ Các là giòng giỏi đời 17, theo gia phả cụ Đỗ Thời Viêm (đời 15) để lại (1839-1842), gốc làng Bồng Trung, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Cụ làm Án sát, có năm vợ, bà ngoại tôi là trưởng nữ giòng một. Cụ sinh hạ hết thầy được 9 trai,

4 gái. Bà cụ thứ ba Phạm Thị Lương là thân mẫu bà Đỗ Thị Hảo, phu nhân Ông Trần Trọng Kim, tác giả *Việt Nam Sử Lược*. Cụ Đỗ Các gia sản sung túc và không thủ cựu, nên có phương tiện cho các con, như thứ nam Đỗ Văn và con rể Trần Trọng Kim du học tại Pháp.

(3) Diễn Nghĩa: *Năm xưa cũng hôm nay tại cổng này, mặt người và hoa đào tương ánh màu hồng, không biết người đã đi đâu, hoa đào y như xưa còn cười với gió đông.* Trong bút tự viết thảo, có lẽ vì nhiều cảm xúc, TchyA viết lần chữ kim 今 thành kim 金. Xin để ý hai chữ Đào Hoa viết *lối thảo* hai cách khác nhau. Thôi Hiệu 崔颢 còn diễn âm Hán việt là Thôi Hộ hay Thôi Hạo.

(4) Niên trưởng Nguyễn Như Kỳ, năm nay xuân sanh 82, hiện cư ngụ ở Cali

(5) Năm 1944, TchyA đến thăm thân phụ tôi và viết bài thơ *Thăm Cụ Nguyễn Mậu* bằng hán tự, và diễn Nôm:

Kim ngô huynh ông tại tỉnh đường	今晤兄翁在省堂
Cao quyền trọng lộc tảo vinh xương	高權重祿噪榮昌
Hoạn thuyền nhân tiến vô ba lãng	宦船閑進無波浪
Bồng mấn trầm tư hữu tuyết sương	蓬鬢沈思有雪霜
Đạt hĩ tam tôn quân học thánh	達矣三尊君學聖
Cụ hồ tứ mỹ ngã quy vương	具乎四美我歸王
Hảo hệ thiên hạ đương minh dạ	好兮天下當冥夜
Hà nhật quán sinh kiến Thái Dương	何日貫生見太陽

Diễn Nôm TchyA:

*Nay đến thăm anh tại sảnh đường
Cũng mừng sung túc cảnh giàu sang
Bể quan nhẹ nhõm thuyền không sóng
Rừng học âm thầm tóc nhuộm sương
Đạt đây có ba lời Khổng Thánh
Mỹ đây những bốn chữ Đấng Vương
Cười cho cuộc thế đầy u ám
Nhân loại bao giờ thấy thái dương*

(6) Bài thơ *Oanh Vàng*, thân tặng Đàm Mộng Hoàn:

*Giữa cơn binh lửa trời
Oanh vàng bỗng tiếng hát lời thi nhân
Tình xưa lả chén phong trần
Người xưa lạo thảo mây vần thơ xưa*

*Yêu hoa những tiếc ngày xuân mộng
Nhớ khách thì ngâm khúc khái hoàn
Bước giang hồ khôn giảm sắc hồng nhan
Cơn gió bụi khó hoen màu phấn đại
Lắm lúc muốn thu gôm tí hải,
Đôi nụ cười ân ái để mà chơi
Lúc kẻ mai, khi tựa liễu, khi rượu chén,
lúc thơ bài, khi đường tơ ai oán khúc,
khi dịp trống lắng lơ rơi
Kẻ hồng phấn ấy ai người mặc khách
Đã nhập thế phải ném mùi thử thách
Nợ bút nghiên sênh phách cũng đều nhau
Thiếp xin chàng chớ bạc đầu
Thiếp thì xin mãi lấy màu trẻ trung
Hữu duyên thiên lý tương phùng*

Tchya cũng viết bài “Đề Ảnh” tặng Mộng Hoàn:

*Tóc thê nguyện với ba sinh
Nước non để tặng khối tình cho nhau
Vĩ chẳng hồng tía đưa màu
Ngàn vàng khôn chuộc mái dầu tóc xanh*

*Canh khuya ngắm ảnh
Chút tình hoài cảnh khiến đề thơ
Sắc long lanh em có tự bao giờ
Mà nước ảnh hững hờ khôn vẽ nét
Dầu in hồng phấn màu phai nhạt
Chưa rõ tài hoa tiếng thấp cao
Tóc xanh xanh tiếc nổi má hồng đào
Người với ảnh ảnh sao mà vẫn kém
Những tưởng giấy tô xuân sắc đẹp*

*Người có duyên sánh kịp cũng còn lâu
Ôm ở bốn cột chi nhau...*

(7) Chu Mạnh Trinh, chủ nhóm Thời Hiền Thị Tự, soạn *Kim Vân Kiều Tân Tập* (nguyên tác Nguyễn Du阮攸, pinyin *Ruǎn Yōu* 1765-1820) chữ Nôm, tàng bản Quán văn Đường, in năm 1906. Hiện nay 2 bản cũ nhất là *Kim Vân Kiều Tân Truyện*, chữ Nôm, tàng bản Liễu văn Đường in vào năm 1866 và 1871. Nghe nói còn một bản chữ Nôm của Lâm Nọa Phu 1870. Bản *Kiều* của Chu Mạnh Trinh có thơ vịnh với bài Tựa Thúy Kiều, rất suât sắc. Đàm Quang Thiện, nguyên là *Médecin Indochinois*, vào những năm 50 làm Đại úy ở Đồng Hới, nhưng hay bỏ bệnh nhân để vào Huế ngủ đò với TchyA. Lúc đó cũng có một ông chạy việc lằng xằng tên Bùi Xuân Ninh, trung úy *Địa phương quân*.

(8) Thi sĩ Vũ Hoàng Chương đã khóc bạn với bài thơ:

*Đành lẽ trót sinh giầu cảm lụy
Dẫu tàn thân thể khó quên nhau
Mai Hoa tái thế bao giờ nữa?
Minh Nguyệt tiền thân biết hỏi đâu?
Tàn cuộc văn chương từng góp lệ
Tàn đêm lữ thứ lại chung sầu
Tàn đi mãi đấy hồn phong nhã
Tàn cả rồi chẳng lớp biển dâu?
Và cũng tàn theo ba tiếng khóc
Ngắm vào ba thước đất vùi sâu...
Tàn Mai, tàn Nguyệt, tàn cơn mộng
Anh đợi gì chưa nổi trống châu?*

(9) TchyA viết bài “Nỗi Lòng” đề “*Tặng A. người yêu đầu tiên*”

*Nỗi lòng ôi biết trao ai
Người chung công cuộc những phai tóc thề*

*Tóc thề chóng bạc hồn ngây ngất
Công cuộc mau tàn trí tỉnh mê
Hoa cỏ rầu rầu đằm ngần lệ
Tơ lòng dằm dãi xác hoa lê*

*Xuân tàn hoa biểu lai quy
Duyên tàn tình cũ có về nữa đâu*

*Tuổi cần tâm cõi đời hiu quạnh
Mòn bút ghi tên một chữ sâu
Oán hận cam nguyên chôn với bóng
Nỗi lòng khôn giải với trăng thâu*

*Áy ai thề chẳng phụ nhau
Trăng thề đã xé đỉnh đầu hay chưa*

(10) Danh sách truyện ngắn của TchyA, phần lớn dựa theo sưu tầm của biểu ca Lê Đỗ Bình:

Thần Trùng (1934),

Khúc sáo du dương (1936),

Thử Xú (1936),

Thần Hồ (1937), xuất bản lần đầu trong *Phổ thông bán nguyệt san*, số 10, ngày 1/09/1937. Tái bản trong nhiều tuyển tập: "*Truyện không nên đọc vào lúc giao thừa*", tuyển tập truyện ma Việt Nam; Nxb Văn học, Hà Nội, 2003, trang 220-297

Số Kiếp (1937),

Linh hồn hay Xác thịt (1938),

Oan nghiệt (1939), xuất bản lần đầu năm trong *Phổ thông bán nguyệt san* số 39 (16.7.1939), Tái bản trong: Tuyển tập "*Truyện ngắn lãng mạn 1930 - 1945*"; Nxb. Văn học, Hà Nội, 2003; trang 774-790

Thầy Cử (1939), xuất bản lần đầu năm 1939 trong *Phổ thông bán nguyệt san* số 39, Tái bản trong tuyển tập "*Truyện ngắn lãng mạn 1930 - 1945*"; Nxb Văn học, Hà Nội, 2003; trang 791 – 803,

Kho vàng Sầm Sơn. Xuất bản lần đầu năm 1940,

Đồng tiền Vạn Lịch (1939-1940), Viết tiếp theo Kho Vàng Sầm sơn.

Ai hát giữa rừng khuya. (1940) Viết xong tại phố Nghĩa địa tây, trước cửa Nghĩa địa Sài Gòn ngày mừng bảy tháng tư năm Canh Thìn (13 Mai 1940). Xuất bản lần đầu năm 1943, tái bản trong nhiều tuyển tập và in riêng thành 1 quyển "*Truyện không nên đọc vào lúc giao thừa*", tuyển tập truyện ma Việt Nam; Nxb Văn học, Hà Nội, 2003, trang 298 – 441, "*Truyện truyền kỳ Việt Nam*", Nxb Giáo dục, Hà Nội, Quyển 3, trang 215. In riêng thành 1 quyển *Ai hát giữa rừng khuya*; Nxb Văn học, Hà Nội, 1995,

Tình Sơn nữ (1956),

Đường lên núi, sau đổi là *Giang hồ miễn cưỡng* (thất lạc), **Uyển ngoạn** (thất lạc). Lúc tu tiên ở Núi Bôi, TchyA có khởi sự viết một khảo luận *Nã Phá Luân*.

(11) Một vài kỷ niệm về Cậu Xĩa mà tôi nhận được từ Ông anh Hoàng và bạn Niên trưởng Lê văn Lân.

Ông anh Hoàng tôi nhớ Cậu Tham Tuấn thời 1945-46 làm chỉ huy trưởng VNQDD ở tỉnh Thanh, ông Đỗ Văn, cậu ruột của ông TchyA cũng là đảng viên QDD. Bộ chỉ huy hình như đặt ở khách sạn Vì Dân (?) của ông Đặng Trần Hồ, cũng là đảng viên QDD; khách sạn này ở xé đối diện với nhà Bà Cự Ngoại, phố Hàng Thêu, Thanh hóa. Sau đó cả hai ông TchyA và Đỗ Văn đều qua lưu vong ở Côn Minh, bên Tàu. Nhà Bác Lê Đỗ Kỳ (lúc ấy Bác Kỳ trai đã lên làm việc ở Ủy ban Kháng chiến huyện Nông Cống) ăn thông sang nhà Bà Cự Ngoại, và nhà Ông Bà Đỗ Văn. Khi Cậu Xĩa và Ông Đỗ Văn vào đóng trụ sở ở khách sạn, thì cho nhân viên QDD sang chiếm nhà Bà Cự Ngoại và nhà bác Tham Kỳ. Do đó tất cả mọi người phải dời cư sang nhà chúng tôi. Một hôm Ông TchyA cùng với nhân viên đến bắt thân thăm Cự thân sinh, mà bấy giờ có Bác Tham Kỳ gái ở trong nhà, ông anh Hoàng vội chạy vào báo để bác Tham trốn vào nhà vệ sinh. Sau đó có lần, Cậu Xĩa tới với 2 đảng viên QDD, đến bắt cụ thân sinh đi ra phố đi bộ một quãng đường với họ từ nhà cho tới trụ sở, mục đích là phô diễn cụ Nguyễn Mậu đả theo phe VNQDD! Trong khi đó thì 2 anh Nguyễn Hữu Loan và Nguyễn Sơn (người Nghệ An) đến ở trong nhà để canh phòng cho Bác Tham Kỳ và cũng để dụ dỗ Ông Cự thân sinh theo Việt Minh.

Niên trưởng Lê Văn Lân, tu bíp về hưu ở Austin, Texas, còn nhớ đến thầy giáo TchyA qua một vài giờ Giảng Kiền rất lưu loát và hấp dẫn ở trường Khải Định, và cũng còn nhớ đến tiệm ăn *Hoa Lạc* ở cửa Đông Ba, nơi bán *đồ ăn Tây* có nhiều sĩ quan và lính Tây tới ăn; TchyA cũng là khách quen thường hay lui tới. Nhà anh Lân ở gần tiệm, nên mỗi lần ông TchyA tới ăn, anh Lân hay nghe những lời bàn luận thơ văn sang sảng vang qua nhà! Sau vào Nam học trường thuốc, anh vẫn nghe cụ Thái Văn Kiềm (nhà ở gần cầu Công Lý) nhắc đến và khen ông bạn Mai Nguyệt với nhiều lời khâm phục. Anh Lân ghi trong kí ức một Ông TchyA rất *ngông*!

Phần Hai

Dưới đây sao lại ba bài Diễm Nôm của TchyA: *Les Pas* (*Paul Valéry*) với phỏng dịch qua Hán ngữ, Tương Tiên tửu (*Lý Bạch*) và Tựa Kiều (*Chu Mạnh Trinh*), trích trong thi bản *Đầy Vơi*, nhưng tôi thêm phần Hán tự và Diễm Nghĩa.

Les pas

Paul Valery (Charmes)

Tes pas, enfants de mon silence,
Saintement, lentement placés,
Vers le lit de ma vigilance,
Procèdent muets et glacés

Personne pure, ombre divine,
Qu'ils sont doux, tes pas retenus!
Dieux, tous les dons que je devine,
Viennent à moi sur ces pieds nus!

Si, de tes lèvres avancées,
Tu prépares pour l'apaiser,
A l'habitant de mes pensées,
La nourriture d'un baiser.

Ne hâte pas cet acte tendre:
Douceur d'être et de n'être pas,
Car j'ai vécu de vous attendre,
Et mon cœur n'était que vos pas.

Diễn Hán văn

TchyA Đái Đức Tuấn

Dư tại thân tĩnh xứ
Sinh đắc quân kim liên
Thần diệu nhàn nhã bộ
Tiến đáo ngã sàng biên
Sàng biên thù cấp ý
Lãnh đạm trần mặc nhiên

Mỹ nhân hề mỹ nhân
Quân ảnh kiều như tiên
Nhu mì trì nghi tiến
Quân bộ thái hư huyền
Ta phò thần Phật đấng
Đô thị ngã thiên duyên
Ngô cảm đáo ngô xứ
Tòng quân xích túc tiền

Quân như dục cao hứng
Dự bị khai hoa thần
Ôn hòa ngã tư tưởng
Dĩ khẩu nhi tương thân
Tiếp vật chi hương vị
Dưỡng ngã tâm trung nhân

Quyên bất nghi thái cấp
Mạc bố thí ái ân
Sắc không dữ vô hữu
Nhã thú đồng tuyết trần
Ngã bình sinh dĩ hoạt
Miên miên tường đãi quân
Quân bộ tự cứu hỷ
Chỉ thị ngã tâm thần

Tùng Bước...

Diễn Nôm TchyA

Lãng dăng... ta trầm mặc
Nở ra ngót sen vàng
Thần diệu khoan thai bước
Lìm lìm tới bên giường
Bên giường ý thoãn thoát
Im lặng, lạnh lùng buông

Người ngọc hồi người ngọc
Bóng tiên nữ nhẹ nhàng
Ôi êm ái e lệ
Là bước chân của nàng
Trời Phật ta mừng tượng
Của vưu vật bốn phương
Đem lại cho ta cả
Trên bước chân mịn màng

Cặp môi ai có muôn
Dâng lên cho sẵn sàng
Sửa soạn làm êm dịu
Người trong tư tưởng chàng
Bằng phong vị nhựa sống
Của cái hôn cao lương

Hoa ôi, đừng vội vã
Ban bố sự yêu đương
Dù sắc không vô hữu
Đều êm ái dịu dàng
Đời ta từng đã sống
Bằng chờ đợi vẫn vương
Tin ta từ thuở trước
Chỉ là bước chân nàng

將進酒

君不見
黃河之水天上來
奔流到海不復回
又不見
高堂明鏡悲白髮
朝如青絲暮如雪
人生得意須盡歡
莫使金樽空對月
天生我材必有用
千金散盡還復來
烹羊宰牛且為樂
會須一飲三百杯
岑夫子
丹丘生
將進酒
杯莫停
與君歌一曲
請君為我傾耳聽
鐘鼓饌玉不足貴
但願長醉不願醒
古來聖賢皆寂寞
惟有飲者留其名
陳王昔時宴平樂
斗酒十千恣謔譁
主人何為言少錢
徑須沽取對君酌
五花馬
千金裘
呼兒將出換美酒
與爾同消萬古愁

TƯƠNG TIẾN TỬU

(Nguyên Tác Lý Bạch)

Quân bất kiến
Hoàng hà chi thủy thiên thượng lai,
Bôn lưu đáo hải bất phục hồi
Hựu bất kiến
Cao đường minh kính bi bạch phát
Triêu như thanh ti mộ như tuyết
Nhân sinh đắc ý tu tận hoan
Mạc sử kim tôn không đối nguyệt
Thiên sinh ngã tài tất hữu dụng
Thiên kim tán tận hoàn phục lai
Phanh dương tể ngư thả vi lạc
Hội tu nhất ẩm tam bách bôi
Sâm phu tử (1)
Đan Khâu sinh (2)
Tương tiến tửu
Bôi mạc đình
Dữ quân ca nhất khúc
Thỉnh quân vị ngã khuynh nhĩ thỉnh
Chung cổ soạn ngọc bất túc quý
Đãn nguyện trường túy bất nguyện tỉnh!
Cổ lai thánh hiền giai tịch mịch,
Duy hữu ẩm giả lưu kỳ danh.
Trần Vương tích thời yển Bình Lạc (3),
Đầu tửu thập thiên tứ hoan hước.
Chủ nhân hà vi ngôn thiểu tiền,
Kính tu cô thủ đối quân chước.
Ngũ hoa mã,
Thiên kim cừ,
Hô nhi tương xuất hoán mỹ tửu,
Dữ nhĩ đồng tiêu vạn cổ sầu.

Tương Tiến Tửu: tên một khúc nhạc cổ, nghĩa là "Mời Uống Rượu".

(1,2) Sâm phu tử, Đan Khâu sinh: Sâm Trung Quân và Nguyên Đan Khâu đều là bạn thân của Lý Bạch.

(3) Trần vương: Trần Tư vương Tào Thực, thi nhân thời Tam quốc, con Tào Tháo.

Bài "Danh đồ thiên" của Tào Thực có câu:

Quy lai yển Bình Lạc, Mỹ tửu đầu thập thiên.

(Quy về mở tiệc cung Bình Lạc, Rượu ngon mời ngàn đầu.)

Diễn Nôm: TchyA Đái Đức Tuấn

TƯƠNG TIÊN TỬU

Há chẳng thấy trên trời sa xuống
Nước Hoàng Hà cuộn cuộn tung xuôi
Một đi đi mãi ra khơi
Có bao giờ lại phản hồi nữa đâu

Lại chẳng thấy trên lầu gương tỏ
Mái tóc càng soi rõ màu sương
Sáng như tơ chữa nhuộm vàng
Chiều đà như tuyết nghĩ thương thân
già

Cho nên gặp lúc ta đắc ý
Phải chơi cho phí chí con người
Chén vàng chớ để cho vơi
Đáy không nhìn bóng trăng soi bể bang

Sinh ta có tài năng chí khí
Ất trời không bỏ phí không dùng
Ngàn vàng không cũng là không
Tiêu đi lại có mất xong lại về

Thì hãy mô trâu dê mà khoái
Tụ cho đông uống mãi cho say
Rót ba trăm chén rượu đầy
Một lần tu cạn một hơi mới đành

Nào Sầm tử Đan sinh đâu tá
Chớ ngừng tay rót nữa đừng thôi
Vì mình ta hát khúc chơi
Vì ta mình hãy lắng lời mà nghe

Dấu soạn ngọc chẳng gì đáng quý
Chỉ cầu cho túy lý mà thôi
Thánh hiền chết cũng lập vùi
Còn tên để lại họa người say sưa

Yên Bình lạc ngày xưa vui thú
Trần Vương mời rượu hũ thập niên
Chủ nhân hãy uống chớ phiền
Cớ sao than nỗi không tiền với ta

Này đây ngựa năm hoa một cỗ
Này ngàn vàng cả bộ áo lông
Trẻ đâu: Đồi lấy rượu nồng
Cùng người cùng giải sầu đong vạn đời

Cùng một đề tài:

THIÊN TỬ HỒ LAI Lý Bạch

Lý Bạch nhất đầu thi bách thiên
Trường An thị thượng tửu gia miên
Thiên tử hồ lai bất thượng thuyền
Tự xưng thần thị tửu trung tiên

TchyA Diễn Nôm

*Ta đây một đầu viết trăm bài
Xóm chợ li bì quán rượu chơi
Thuyền ngựa chẳng sang vua gọi mặc
Rằng ta uống rượu cũng tiên rồi*



Diễn Nghĩa (Nguyễn Quốc Bảo)

Tương tiền tửu.

Quân bất kiến :
Hoàng-hà chi thủy thiên thượng lai,
Bôn lưu đảo hải bất phục hồi.
Hựu bất kiến:
Cao đường minh kính bi bạch phát,
Triêu như thanh ti, mộ như tuyết.
Nhân sinh đặc ý tu tận hoan,
Mạc sử kim tôn không đối nguyệt.
Thiên sinh ngã tài tất hữu dụng,
Thiên kim tán tận hoàn phục lai.
Phanh dương, tề ngư thả vi lạc,
Hội tu nhất âm tam bách bôi.
Sâm phu-tử,
Đan Khâu sinh.
Tương tiền tửu,
Bôi mạc đình!
Dữ quân ca nhất khúc,
Thỉnh quân vị ngã khuynh nhĩ thỉnh!
Chung cổ, soạn ngọc bất túc quý,
Đã nguyện trường túy bất nguyện tỉnh.
Cổ lai thánh hiền giai tịch mịch,
Duy hữu ẩm giả lưu kì danh.
Trần Vương tích thời yển Bình-lạc,
Đầu tửu thập thiên tứ hoan hước.
Chủ nhân hà vi ngôn thiếu tiền,
Kính tu cô thủ đối quân chước.
Ngũ hoa mã,
Thiên kim cừ.
Hô nhi tương xuất hoá mĩ tửu.
Dữ nhĩ đồng tiêu vạn cổ sầu!

Sắp mời rượu!

Bạn chẳng thấy:
Nước sông Hoàng từ trời chảy xuống,
Vội tuôn ra bể không trở lại,
Lại chẳng thấy:
Lầu cao gương sáng xót đau tóc bạc.
Sáng như tơ xanh chiều như tuyết.
Đòi người đặc ý nên tận hưởng,
Chớ khiến chén vàng rỗng dưới trăng.
Trời sinh ta ắt có chỗ dùng,
Nghìn vàng tan hết rồi lại có.
Mô dê, giết trâu lại làm thỏa thích,
Hợp nhau uống một mạch ba trăm chén.
Hỡi Bạn Sâm (1),
Này Bạn Đan Khâu (2),
Rượu sắp mời,
Chớ dùng chén!
Nề bạn hát một bài,
Cùng ta xin nghiêng tai nghe.
Chiêng trống, cỗ bàn, sao đủ quý,
Chỉ muốn say dài chẳng muốn tỉnh!
Xưa nay tên thánh hiền đều vắng vẻ,
Chỉ có kẻ say để lại tên.
Xưa Trần Vương thết yến cung Bình-lạc,
Đầu rượu mười ngàn mặc sức vui đùa (3).
Chủ nhân sao lại nói thiếu tiền.
Hãy mua ngay rượu ta cùng bạn uống.
Này ngựa hoa năm sắc,
Này áo cừ nghìn vàng,
Gọi trẻ đem ra đổi rượu ngon,
Cùng bạn cùng tan sâu muôn thuở!

Tựa Thuý Kiều - Chu Mạnh Trinh

Kim sử: Duyên đề tặng phiến, Liêu Dương bất qui thúc phụ chi tang; biến khởi mãi ty, Lôi Châu tức biên oan dân chi án; tác sắc cầm hảo hợp, cốt nhục đoàn viên, bích ngọc trường lưu tử thoa bất đoạn. Yên hoa thương khách hà lai mái tiêu chi kim; thanh giáo ngoại thân chung trở qui hàng chi giáp. Hà dĩ biểu khuê nhân chi hiếu hạnh, kiến hiệp nữ chi cơ quyền.

Nãi tri: sự phi khúc tắc bất kỳ, ngộ dĩ truân nhi nãi hiển. Khanh chân đạt giá, tu tri thương hiệu chi liên tài, ngã diệc vân nhiên, mạc oán hồng nhan chi vô phận. Độc thị: vi thông môi chúc, tiện đính tư minh, nhất truy phiến hoa, tiên thành kết tập.

Hoặc giả vị thủy đăng vân lưu chi thái, luận nhi vi nghênh diệp tổng chi phong. Bất tri: hồng hạnh xuất tường, vị phó hương tâm ư phần điệp; sương phong ẩm hận, khùng diên họa sự ư trì ngư. Lệ kính lý chi bằng sương, độ sâu biên chi tuệ nguyệt. Vô hà chi bích, giá khả trọng ư liên thành; dĩ thế chi ba, mộng do hồi ư cự phổ.

Thí bình nhi trước luận, nghi lược tích nhi nguyên tâm. Hựu hướng: thập thủ tân thi, quán nhập đoạn trường chi tập; tứ huyền cung oán, phổ thành bạc mệnh chi âm. Giá thê lương kỳ nảo nhân, phục đỉnh đình nhi cố ảnh. Hoa ưng thâm diễm, liễu dục tăng kiều. Tham bắc bộ chi phong tao, tiêu đề diệc vận; thiện nam triều chi phần đại, nùng đạm tương nghi.

Cổ nghi chư lão chung tình, biến danh tính ư quần biên tụ giác; toại sử thiên thu ký sự, thái phong lưu ư thẳng phần tàn chi. Ta hồ, tiêu trích phong trần, kỷ tao ma nghiệt! Tình thiên hạo diểu, hận hải thương mang! Tuy phong chi như hà y, truy khôn chi hoa vô lại! Can khanh thậm sự, thê cổ thiên sâu! Nhiên nhi, thỉnh nguyệt dạ chi tỳ bà, thanh sam dị thấp; xướng cách giang chi ngọc thụ, bạch

Diễn Nôm TchyA & Đàm Quang Thiện

Nay ví thử: duyên ưa trao quạt, Liêu Dương chẳng vì tang chú trở về; biến tại bán tợ, Lôi Châu giá được dân oan minh án; thì chắc đẹp duyên đôi lứa, đoàn tụ cả nhà, ngọc bích còn nguyên, thoa vàng chẳng gãy. Mà đâu có thể làng chơi son phấn, đem vàng mua được nụ cười; lại chẳng bao giờ, ngoài cõi anh hùng, cõi giáp quay đầu chịu phục. Thì sao: tỏ rõ phòng khuê mà hiếu hạnh, thấy được gái nghĩa hiệp lại cơ quyền.

Thế mới biết không rắc rối việc chẳng phi thường, có gian truân danh càng rạng rỡ. Nàng đà hiểu đó, Trời xanh thương khách tài hoa; ta nói vậy thôi, má đỏ oán chi phận bạc. Chi vì: chưa thông môi lái, đã nặng thê bồi, lỡ bước phồn hoa, quen đường gió bụi.

Hoặc có người nói, sở dĩ lá đưa cành đón, chỉ vì nước chảy mây trôi. Ai biết đâu hạnh thắm vượt tường, chưa gửi nhụy thơm cho bướm; dao oan nuốt hận, chỉ lo vạ cháy theo thành ven cõi sâu ngày tháng phiêu pha; trong lòng kính tuyết sương găng gói. Ngọc không hoen ố, giá cao kỳ xiết mấy thành liền; sóng đã trôi xuôi, hồn lẫn quất về phố cũ.

Như bình tình mà phán đoán, nên xét lại tự căn nguyên. Hướng chi: nhất giải đoạn trường, thơ mới mười bài tuyệt tác; bốn giây bạc mệnh Hồ một khúc lâm ly. Bi ai những nảo lòng người; tha thốt còn ngờ bóng cũ. Hoa ưng khoe thắm, liễu muốn thêm tươi. Đất Bắc thắm mùi lịch sự, cười khóc nên thơ; trời Nam rạng vẻ phần son, thắm phai đượm nét.

Cho nên bao người cũ say đời tình chung, đem tính danh ghi góc áo xiêm; ngàn thu sau tiếc chuyện phong lưu, viết sử sách vớt hương thừa phần cũ. Than ôi! gió bụi một phen, nổi chìm mấy độ. Trời tình bất ngát, bẽ hận mệnh mang, sợi tơ mảnh gió cuốn lênh đênh, đoá hoa rụng quê người trôi dạt...Xét đến nàng cũng hay mua việc, chuyện ngàn thu còn áo nảo làm chi? Chẳng

mần thêm hoa.

Do lai danh sĩ giai nhân, túc thể hữu hoa
nghiêm chi kiếp. Hưu quái thanh sơn hoàng
thổ, thiên cổ đồng luân lạc chi bi. Bộc bản
đa tình, cảm thâm đồng điệu. Vị ngộ không
hoa ư sắc giới, thiên liên ảo mộng ư xuân
trường. Kim ốc a kiều, mạn trước bán không
chi tướng; mỹ nhân phương thảo, bằng chiêu
cách đại chi hồn. Ngẫu hứng bút dĩ trừu tư,
toại trực hồi nhi tưởng vịnh. Ngôn chi
trường dã, tạ đương khách song thính vũ chi
đàm; linh chi lai hề, hoặc tại Lạc phố lãng ba
chi dạ.

Thanh Tâm Tài Nhân Thi Tập Tự 青心才人詩集序

Kim sử duyên đề tặng phiến,
今使緣締贈扇,
Liêu Dương bất quy thúc phụ chi tang;
遼陽不歸叔父之喪;
biến khởi mại ty,
變起賣絲,
Lôi châu tức biện oan dân chi án;
雷州即辦冤民之案;
tác sắt cảm hảo hợp,
則瑟琴好合,
cốt nhục đoàn viên;
骨肉團圓;
bích ngọc trường lưu,
碧玉長留,
tử thoa bất đoạn;
紫釵不斷;
yên hoa thương khách,
烟花商客,
hà lai mãi tiếu chi kim;
何來買笑之金;

qua: đêm trăng nghe khúc Tỳ Bà, áo xanh
đắm lệ; cách bên hát câu ngọc thụ, tóc trắng
thêm sương.

Xưa nay danh sĩ giai nhân, hoa nghiêm vẫn
một đời gian khổ; xót lẽ đất vàng núi biếc,
luân lạc cùng muôn thuở đau thương. Tớ
vốn nhiều tình, cảm ai cùng điệu. Cõi sắc
hoa không chữa tỉnh; trường xuân mộng ảo
còn say. Phương thảo gọi hồn, mừng tượng
người xưa phảng phất; nhà vàng xây mộng,
mơ màng bóng ngọc thốt tha. Chuyện cũ
bâng khuâng, sẵn bút đề thơ ngẫu hứng;
người xưa tưởng nhớ, chia hồi ngâm vịnh
tiêu tao. Nói chẳng hết lời, ngoài cửa mưa
thu rả rích; hồn thiêng chẳng lẽ, đêm trường
Lạc Phố chơi vui...

thanh giáo ngoại thần,
聲教外臣,
chung trở quy hàng chi giáp;
終阻歸降之甲;
Hà dĩ biểu khuê nhân chi hiếu hạnh,
何以表閨人之孝行,
kiến hiệp nữ chi cơ quyền;
見俠女之機權;
Nãi tri: sự phi khúc tắc bất kỳ,
乃知: 事非曲則不奇,
ngộ dĩ truân nhi nãi hiển.
遇愈屯而乃顯.
Khanh chân đạt giả,
卿真達者,
tu tri thương hạo chi liên tài;
須知蒼昊之憐才;
ngã diệc vân nhiên,
我亦云然,
mạc oán hồng nhan chi vô phận.
莫怨紅顏之無分.
Độc thị: vị thông môi chúc,
獨是: 未通媒妁,
tiên đính tư minh,
先訂私盟,

nhất trụ phồn hoa,
一墜繁花,
tiện thành kết tập.
便成結習.
Hoặc giả vị thủy dăng vân lưu chi thái;
或者謂水蕩雲流之態;
lun nhi vi chi nghên điệp tống chi
phong.
淪而為枝迎葉送之風.
Bất tri hồng hạnh xuất tường,
不知:紅杏出墻,
vị phó hương tâm ư phân điệp;
未付香心於粉蝶;
Sương phong ẩm hận,
霜鋒飲恨,
khủng diên họa sự ư trì ngư.
恐延禍事於池魚.
Lệ kính lý chi băng sương,
勵鏡裏之冰心(?),
độ sầu biên chi tuế nguyệt.
度愁邊之歲月.
Vô hà chi bích,
無瑕之壁,
giá khả trọng ư liên thành;
價可重於連城;
dĩ thế chi ba,
已逝之波,
mộng do hồi ư cự phố.
夢猶回於舊浦.
Thí bình tình nhi trước luận,
試平情而著論,
nghĩ lược tích nhi nguyên tâm.
宜略迹而原心.
Hựu huông: thập thủ tân thi,
又況:十首新詩,
quán nhập đoạn trường chi tập;
冠入斷腸之集;
tứ huyền cung oán,
四絃宮怨,
phổ thành bạc mệnh chi âm.
譜成薄命之音.

Giác thê lương kỳ nảo nhân,
覺淒涼其惱人,
phục phinh đình nhi cố ảnh.
復娉婷而顧影.
Hoa ung thâu diễm,
花應輸艷,
liễu dục tăng kiêu.
柳欲憎嬌.
Tham bắc bộ chi phong tao,
參北部之風騷,
tiểu đề điệp vận;
笑啼亦韻;
thiện nam triều chi phân đại,
擅南朝之粉黛,
nùng đạm tương nghi.
濃淡相宜.
Cố nghi chư lão chung tình,
固宜諸老鍾情,
biến danh tính ư quần biên tụ giác;
遍名姓於裙邊袖角;
toại sử thiên thu ký sự,
遂使千秋記事,
thái phong lưu ư thặng phần tàn chi.
採風流於剩粉殘脂.
Ta hò! Tiểu trích phong trần,
嗟乎!小謫風塵,
kỷ tao ma nghiệt!
幾遭魔孽.
Tình thiên hạo diệu,
情天浩渺,
hận hải thương mang.
恨海滄茫.
Tùy phong chi như hà y;
隨風之絮何依;
Trụy khỏn chi hoa vô lại!
墜悃(?)之花無賴.
Can khanh thậm sự,
干卿甚事,
thế cổ thiên sầu.
替古偏愁.

Nhiên nhi, thính nguyệt dạ chi tỳ bà,
然而, 聽月夜之琵琶,
thanh sam dị thấp;
青杉(?) 易濕;
xướng cách giang chi ngọc thụ,
唱隔江之玉樹,
bach mấn thiên hoa.
白鬢添花.
Do lai danh sĩ giai nhân,
由來名士佳人,
túc thế hữu hoa nghiêm chi kiếp;
夙世有花嚴之劫;
Huru quái thanh sơn hoàng thổ,
休怪青山黃土,
thiên cổ đồng luân lạc chi bi.
千古同淪落之悲.
Bộc bản đa tình,
僕本多情,
cảm thâm đồng điệu.
感深同調.
Vị ngộ không hoa ư sắc giới,
未悟空花於色界,
thiên liên ảo mộng ư xuân trường.
偏憐幻夢於春場.

Kim ốc A Kiều,
金屋阿嬌,
mạn trước bán không chi tưởng;
漫著半空之想;
mỹ nhân phương thảo,
美人芳草,
bằng chiêu cách đại chi hồn.
憑招隔代之魂.
Ngẫu hứng bút dĩ trừu tư,
偶興筆以抽思,
toại trực hồi nhi tưởng vịnh.
遂逐回而想詠.
Ngôn chi trường dã,
言之長也,
tạ đương khách song thính vũ chi đàm;
藉當客窗聽雨之談;
linh chi lai hề,
靈之來兮,
hoặc tại Lạc phồ lãng ba chi dạ .
或在洛浦凌波之夜.
Chu Mạnh Trinh (1862-1905)
(*Việt Nam Văn học giảng bình Phạm Văn Diêu, nxb Tân Việt, 1961*)

Tác giả : Chu Mạnh Trinh, tự Cán Thân, hiệu là Trúc Vân, người Hưng Yên, sinh năm 1862. Ông thi đỗ tú tài, sau đó đỗ giải nguyên kỳ thi hội, cuối cùng đỗ đệ tam tiến sĩ thời Thành Thái, làm tới Án sát sứ tỉnh Hưng Yên, Hà Nam, Thái Nguyên. Tiếc thay một đời danh sĩ tài hoa thực là ngắn ngủi, ông mất khi tròn 43 tuổi.

Trước khi có bài Diễn Nôm của TchyA-Đàm Quang Thiện, bài Tựa Kiều của Chu Mạnh Trinh được phổ biến nhiều qua bài Diễn Nôm của Đoàn Tự Thuật. Nhiều học sinh Huế (trường Khải Định) thuộc lòng bài này qua chương trình giáo khoa, và có khi làm tương bài Diễn Nôm này là Nguyên bản của Chu Mạnh Trinh viết! Bản Diễn Nôm của ĐT Thuật rất trôi chảy, đọc nghe hay, nhưng nhiều đoạn chỉ diễn sơ ý, không sát lắm với bản chữ Hán. Có lẽ vì vậy mà thời làm giáo sư Việt văn ở Khải Định, TchyA mới có ý định dịch lại. Có một bản Diễn Nôm khác của Lăng Nhân Phùng Tất Đắc, nhưng không biết được soạn khi nào. Xin chép lại đây bản của ĐT

Thuật, và bản của Lãng Nhân song song với bản của TchyA-ĐQ Thiện, để tiện so sánh. Mỗi bản đều có cái hay riêng, bản ĐT Thuật súc tích nên không diễn hết ý nguyên bản, bản Lãng Nhân diễn rõ nghĩa nên dài chút xíu, bản TchyA-ĐQ Thiện có lẽ làm tôi vừa ý nhất, tuy có vài câu hơi khúc mắc.

Tựa Thủy Kiều: Bản Diễn Nôm của Đoàn Tư Thuật

Giả sử ngay khi trước, Liêu Dương cách trở, duyên chàng Kim đừng lỡ việc ma chay; quan lại công bằng, án Viên ngoại tỏ ngay tình oan uổng, thì đâu đến nỗi son phấn mấy năm lưu lạc, đem thân cho thiên hạ mua cười, mà chắc biên thủy một cõi nghênh ngang, ai xui được anh hùng cõi giáp. Thì sao còn tỏ được là người thực nữ mà đủ đường hiếu nghĩa, tay đàn bà mà lại có cơ quyền. Thế mới biết, người khôn thì hay gặp gian truân, chuyện đời khéo lắm trò quanh quẩn.

Con tạo hoá vốn thương yêu tài sắc, nàng đã biết thế hay chưa? Khách má hồng đừng giận nỗi trắng già, ta cũng khuyên lời phải chắng. Chỉ vì một tội, mối manh chưa có, thề thốt đã nhiều, trăng gió mắc vào, phồn hoa dính mãi.

Cũng có người bảo: Tại nước chảy mây trôi lỡ bước, nên cảnh đưa lá đón quen thân. Nào biết đâu bông hạnh nở ngoài tường, chưa để con ong qua tới; cho có muốn lưỡi dao liễu với mạng, lại e thành chày vạ lây. Tấm lòng này như tuyết như gương, mỗi sàu nọ qua ngày qua tháng. Ngọc kia không vết, giá liền thành khôn xiết so bì; nước đã trôi xuôi, hồn cự mộng hãy còn ngơ ngẩn.

Bàn cho thật phải, tình cũng nên thương. Lại xem như bút mực tài hoa, đoạn trường mùi khúc, trúc tư phong nhã, hồ cầm một chương; câu thần vắng vọng tiêu tao, bóng ngọc tưởng chiều nào nuốt, hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh, vậy nên khách đa tình say chuyện phong lưu, trăm năm cũ còn ghi tên tuổi hão, người chép sách tiếc vì tài sắc, ngàn thu sau nhật lấy phần hương thừa.

Than ôi, một bước phong trần, mấy phen chìm nổi... trời tình mờ mịt, bề hận mệnh mang. Sợi tơ mảnh theo gió đưa đi, cánh hoa rụng chọn gì đất sạch. Ai dư nước mắt khóc người đời xưa, thế mà giống đa tình luống những sàu chung, hạt lệ Tầm Dương chan chứa; lòng cảm cự ai xui thương mướn, nghe câu ngọc thụ nào nề.

Cho hay, danh sĩ giai nhân, cùng một kiếp hoa nghiêm nặng nợ. Ngán nỗi non xanh đất đỏ, để riêng ai luân lạc đau lòng. Ta cũng nòi tình, thương người đồng điệu. Cái kiếp không hoa lắm cầm, con hồn xuân mộng băng khuâng. Đã toan đúc sẵn nhà vàng, chờ người quốc sắc, lại muốn mượn chùm phương thảo, hú vía thuyềן quyền.

Sẵn bút nghiên chia vịnh từng hồi, đem sự tích tóm làm một tựa. Bây giờ kể còn dài chưa hết, hạt ba tiêu như thánh thốt mưa thu. Hỡi ơi, hồn đã có biết hay chắng? Bóng hoàn bội tưởng ra vào Lạc phố.

Nay ví thử: duyên ưa trao quạt, Liêu Dương chẳng vì tang chú trở về; biển tại bán tơ, Lôi Châu giá được dân oan minh án; thì chắc đẹp duyên đôi lứa, đoàn tụ cả nhà, ngọc bích còn nguyên, thoa vàng chẳng gãy. Mà đâu có thể làng chơi sơn phấn, đem vàng mua được nụ cười; lại chẳng bao giờ, ngoài cõi anh hùng, cõi giáp quay đầu chịu phục. Thì sao: tỏ rõ phòng khuê mà hiếu hạnh, thấy được gái nghĩa hiệp lại cơ quyền.

Thế mới biết không rắc rối việc chẳng phi thường, có gian truân danh càng rạng rỡ. Nàng đà hiểu đó, Trời xanh thương khách tài hoa; ta nói vậy thôi, má đỏ oán chi phận bạc. Chỉ vì: chưa thông môi lá, đã nặng thề bồi, lỡ bước phồn hoa, quen đường gió bụi.

Hoặc có người nói, sở dĩ lá đưa cành đón, chỉ vì nước chảy mau trôi. Ai biết đâu hạnh thắm vượt tường, chưa gửi nhụy thơm cho bướm; dao oan nuốt hận, chỉ lo vạ cháy theo thành ven cõi sâu ngày tháng phôi pha; trong lòng kính tuyết sương gắng gỏi. Ngọc không hoen ố, giá cao kỳ xiết mây thành liền; sóng đã trôi xuôi, hồn lẫn quất về phố cũ.

Như bình tình mà phán đoán, nên xét lại tự căn nguyên. Huống chi: nhất giải đoạn trường, thơ mới mười bài tuyệt tác; bốn giây bạc mệnh Hồ một khúc lâm ly. Bi ai những nỡ lòng người; tha thuật còn ngờ bóng cũ. Hoa ưng khoe thắm, liễu muốn thêm tươi. Đất Bắc thắm mùi lịch sự, cười khóc nên thơ; trời Nam rạng vẻ phấn son, thắm phai đượm nét.

Ví thử : Gắn bó tự ngày trao quạt, tang Liêu Dương đừng lỡ hẹn duyên hài, đặt bày do gã bán tơ, án Lôi quận giải ngay niềm oan khuất. Ất là : Sắt cầm êm ả, cốt nhục sum vầy. Ngọc biếc vẫn lành thoa vàng không gãy. Lả loi hoa rượu, khách làng chơi đâu được dịp mua cười; ngang dọc biên thù, tay cung kiếm há thua cơ bó giáp ?. Thì sao thấy được : Chốn khuê các đã đủ điều hiếu hạnh; bạn quần thoa mà biết lẽ kinh quyền !

Mới hay : Việc đời khuất khúc, chuyện mới ly kỳ; cảnh ngộ éo le, nét càng tỏ rõ. Nàng đà thừa hiểu; từ xưa trẻ tạo vẫn lân tài; ta lại nhủ cùng; đâu phải má hồng đều tủi phận. Chỉ vì : Chưa mối manh đã vội thề bồi; mắc trăng gió mới thành hư hỏng.

Hoặc lại bảo : nước chảy mây bay quen mắt nét; hóa cho nên : lá đưa cành đón dễ hư thân. Nào biết đâu : Nhị vẫn phong hương, chẳng để bướm ong thông được lối; dao toan cắt hận, nhưng e ao cá cháy theo thành. Mài mảnh gương soi rõ tấm băng trinh; ôm nỗi khổ gắng qua ngày tủi nhục. Ngọc không mãi bợn, há thua đâu giá trọng liền thành; nước dầu trôi xuôi, vẫn nhớ đến mối tình cự phố.

Ví muốn bàn cho thấu đáo; - cũng nên xét đến tâm tình. Huống chi : Bốn dây gió thắm mưa sâu, phủ thiên bạc mệnh, mười vận hoa thêu gấm dệt, chiếm giải Đoạn trường. Những nghe đã xót xa lòng, tưởng đến càng mê mẩn bóng. Hoa đành thua vẻ; liễu muốn ghen màu. Hội phong tao đất Bắc nên trang, khóc cười phải điệu. Nét sơn phấn miền Nam đáng bạc, đậm nhạt ưa nhìn.

Cho nên bao người cũ say đời tình chung, đem tính danh ghi góc áo ven xiêm; ngàn thu sau tiếc chuyện phong lưu, viết sử sách vớt hương thừa phần cũ. Than ôi! gió bụi một phen, nổi chìm mấy độ. Trời tình bát ngát, bể hận mênh mang, sợi tơ mảnh gió cuốn lên đên, đoá hoa rụng quê người trôi dạt...Xét đến nàng cũng hay mua việc, chuyện ngàn thu còn áo nã làm chi? Chẳng qua: đêm trăng nghe khúc Tỳ Bà, áo xanh đẫm lệ; cách bên hát câu ngọc thụ, tóc trắng thêm sương.

Xưa nay danh sĩ giai nhân, hoa nghiên vẫn một đời gian khổ; xót lẽ đất vàng núi biếc, luân lạc cùng muôn thuở đau thương. Tố vốn nhiều tình, cảm ai cùng điệu. Cõi sắc hoa không chữa tỉnh; trường xuân mộng ảo còn say. Phương thảo gọi hồn, mừng tượng người xưa phảng phất; nhà vàng xây mộng, mơ màng bóng ngọc thốt tha.

Chuyện cũ băng khuâng, sẵn bút đề thơ ngẫu hứng; người xưa tưởng nhớ, chia hòi ngâm vịnh tiêu tao. Nói chẳng hết lời, ngoài cửa mưa thu rả rích; hồn thiêng chẳng lẽ, đêm trường Lạc Phố chơi vui...

(Bản dịch Tchya Đái Đức Tuấn & Đàm Quang Thiện)

Vậy nên những khách tài hoa, chẳng ngại đề tên họ bên chéo quần tay áo; lại khiến ngàn năm ghi chép, không nề nhật phong lưu nơi phần sót hương thừa. Than ôi ! Mới lọt vào một kiếp phong trần; đã vương lấy bao phen oan nghiệt. Trời tình u uất, biển hận voi đầy. Sợi tơ mảnh phó mặc gió bay, cánh hoa rụng, sá gì bàn lợi. Từ trước đã dư người hoài cảm, sao nay còn hận nỗi thương tâm ? Ấy cũng vì : Tiếng tỳ bà nghe lắng đêm trăng, áo xanh dễ đẫm giọt lệ; khúc ngọc thụ vắng qua mặt sóng, tóc bạc thêm đượm màu sương

...

Cho hay danh sĩ giai nhân, nợ sau trước cũng âu người một hội; Dầu ở non xa nước lạ, kiếp sông hồ khôn thoát hận ngàn thu. Ta vốn đa tình; - luống thương đồng điệu. Cõi Sắc hoa Không chưa giác ngộ; đài xuân giấc bướm vẫn mơ màng. Cỏ Mỹ nhân một bó u hoài, hồn thơm có thấu ? Tòa Kim ốc những hằng vọng tưởng, vóc ngọc còn đâu ?

Sẵn bút hoa tả mối sầu tư, đem truyện cũ chia hòi tưởng vịnh : Giải mãi mà ân tình chưa dứt, giọt mưa đêm còn thánh thót bên khách song; thiêng chẳng thì hiển hiện cho xem, bóng người đẹp chùng nhờn nhờn nơi Lạc phố ...

(Bản dịch Lãng Nhân)